

Thứ tư, ngày 15 tháng 1 năm 2020

Vietnam Daily Review

Tăng điểm nhẹ

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 16/1/2020		●	
Tuần 13/1-17/1/2020		●	
Tháng 1/2020		●	

Nhận định:

Thị trường cơ sở: Giảm co trong toàn bộ thời gian giao dịch và chỉ tăng điểm nhẹ vào cuối phiên là diễn biến chính của VN-Index trong phiên hôm nay. Đà tăng tốt của BID, VPB, TCH, SAB, HPG đã giúp chỉ số lấy lại được sắc xanh vào phiên ATC. Thị trường Việt Nam đi ngược với các TTCK khác trong khu vực trong bối cảnh các điều khoản của thỏa thuận giai đoạn 1 giữa Mỹ-Trung cho thấy vấn đề cốt lõi như cắt giảm thuế quan sẽ phải đợi đến sau cuộc bầu cử tổng thống Mỹ trong năm nay. Như vậy, với việc thiếu vắng các thông tin hỗ trợ cũng như việc HĐTL VN30F2001 sẽ đáo hạn vào ngày mai, BSC cho rằng thị trường có thể sẽ tiếp tục diễn biến giảm co trong kênh giá hiện tại.

Hợp đồng tương lai: Các HĐTL đồng loạt tăng điểm trong phiên hôm nay thuận theo trạng thái tăng chung của chỉ số. Nhà đầu tư nên ưu tiên những nhịp cạnh mua với giá mục tiêu quanh ngưỡng 890 điểm cho tất cả các hợp đồng.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 15/1/2020, chứng quyền và chứng khoán cơ sở có sự phân hóa về trạng thái. Khối lượng giao dịch tăng mạnh so với phiên hôm trước.

Danh mục i-Invest: Theme_Lãi suất giảm _0.9%. 9/20 danh mục Chủ đề có hiệu suất **khả quan**. Đặc biệt, danh mục **Lãi suất giảm** - bao gồm các cổ phiếu có khả năng hưởng lợi khi xảy ra kịch bản lãi suất trên thị trường giảm xuống - hôm nay có mức hiệu suất ngày ấn tượng **0.9%**, con số này của VNINDEX là 0.1%.

Phân tích kỹ thuật: CII_Bứt phá (Trang 3)

Các mã cổ phiếu tăng giá theo như dự báo của BSC bao gồm: **CTG, VPB, HPG, NVL, FPT**

Điểm nhấn

- VN-Index **+0.56 điểm**, đóng cửa 965.84. HNX-Index **-0.17 điểm**, đóng cửa 103.19.
- Kéo chỉ số tăng: **BID (+1.08); VPB (+0.36); TCH (+0.26); SAB (+0.18); HPG (+0.12)**.
- Kéo chỉ số giảm: **GAS (-0.49); VRE (-0.36); HVN (-0.14); ROS (-0.12); NVL (-0.11)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **1,995 tỷ đồng, -8.6%** so với phiên hôm trước.
- Biên độ dao động là 2.85 điểm. Thị trường có 125 mã tăng, 70 mã tham chiếu và 188 mã giảm.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: **35.25 tỷ đồng** trên sàn HOSE, gồm PDR (80.47 tỷ), VCB (34.21 tỷ) và KBC (7.69 tỷ). Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị **0.45 tỷ đồng**.

BSC RESEARCH

Trưởng phòng

Trần Thăng Long

longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa

khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

Đặng Hà My

mydh@bsc.com.vn

Tô Quang Vinh

vinhtq@bsc.com.vn

Nhóm Investment - i-Invest

Lương Minh Hiền

hienlm@bsc.com.vn

Vũ Quốc Khánh

khanhvq@bsc.com.vn

VN-INDEX

967.56

Giá trị: 1995.92 tỷ

0.56 (0.06%)

Khối ngoại (ròng): -35.25 tỷ

HNX-INDEX

103.19

Giá trị: 203.31 tỷ

-0.17 (-0.16%)

Khối ngoại (ròng): -0.45 tỷ

UPCOM-INDEX

55.35

Giá trị: 157.72 tỷ

-0.35 (-0.63%)

Khối ngoại(ròng): 8.25 tỷ

Thông số vĩ mô

	Giá trị	%
Giá dầu	58.1	-0.24%
Giá vàng	1,553	0.43%
Tỷ giá USD/VND	23,175	0.00%
Tỷ giá EUR/VND	25,785	-0.06%
Tỷ giá JPY/VND	21,082	0.06%
LS liên NH 1 tháng	3.3%	4.57%
LS TPCP 5 năm	1.7%	-4.61%

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
HPG	25.4	PDR	80.5
VNM	14.8	VCB	34.2
VHM	12.0	KBC	7.7
CTG	7.6	STB	4.4
CII	6.4	FRT	3.1

Nguồn: BSC Research

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
i-INVEST	Trang 2
Tín hiệu cổ phiếu	Trang 3
Tín hiệu hàng hóa	Trang 4
Thị trường phái sinh	Trang 5
Cổ phiếu lớn	Trang 6
Thống kê thị trường	Trang 7
Báo cáo mới nhất	Trang 8
iBroker	Trang 9
Khuyến cáo sử dụng	Trang 10



Sử dụng i-Invest tại đây
Bản công bố rủi ro

[Link](#)
[Link](#)

Hướng dẫn sử dụng
Video giới thiệu danh mục Chủ đề

[Link](#)
[Link](#)

* **9/20 danh mục** Chủ đề có hiệu suất **khả quan**. Đặc biệt, danh mục **Lãi suất giảm** - bao gồm các cổ phiếu có khả năng hưởng lợi khi xảy ra kịch bản lãi suất trên thị trường giảm xuống - hôm nay có mức hiệu suất ngày ấn tượng 0.9%, con số này của VNINDEX là 0.1%

* Các danh mục **Mục tiêu** và **Khẩu vị Rủi ro** gồm những mã cổ phiếu có triển vọng khả quan trong dài hạn:

- **12/18 danh mục Mục tiêu** có mức hiệu suất ngày **khả quan**
- **2/7 danh mục Khẩu vị Rủi ro** có mức hiệu suất ngày **khả quan**

Cập nhật hiệu suất danh mục i-Invest

Danh mục đáng chú ý trong ngày: Theme_Lãi suất giảm_0.9%

Danh mục	Hiệu suất danh mục							Rủi ro ước tính
	1 ngày	1 tuần	1 tháng	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm	
Chủ đề (Click để xem báo cáo)	Bảng bao gồm hiệu suất của tất cả các danh mục Chủ đề							
Lãi suất giảm	0.9%	2.0%	-1.0%	-7.3%	-7.1%	0.8%	51.9%	17.9%
Vật liệu Xây dựng	0.4%	3.5%	-2.6%	-2.6%	0.0%	10.8%	8.2%	18.6%
VN Diamond	0.3%	2.6%	1.2%	-4.1%	8.3%	19.1%	69.9%	16.9%
VN FinSelect	0.3%	3.8%	3.6%	-1.5%	4.4%	12.7%	41.7%	18.1%
Cổ phiếu đầu ngành tài chính	0.2%	4.1%	4.3%	-0.9%	6.2%	15.7%	50.6%	19.6%
Tăng trưởng - định giá hấp dẫn	0.2%	2.7%	1.5%	-2.2%	9.1%	32.0%	118.9%	18.8%
Ngân hàng	0.2%	4.7%	6.4%	1.9%	12.3%	26.2%	89.6%	22.2%
Cổ phiếu hết room ngoại	0.1%	2.4%	0.5%	-3.9%	7.0%	18.4%	74.0%	17.2%
Top 10 cổ phiếu VN30	0.0%	2.5%	-0.5%	-6.0%	-1.2%	7.0%	55.9%	14.5%
Hàng tiêu dùng	0.0%	1.1%	-1.5%	-10.8%	-5.3%	2.6%	56.0%	17.2%
Cổ phiếu cơ sở Chứng quyền	-0.1%	2.1%	0.8%	-2.6%	5.3%	17.5%	83.7%	15.9%
MSCI frontier 100 Việt Nam	-0.1%	1.8%	0.2%	-2.3%	-1.2%	7.7%	76.3%	13.7%
FTSE Việt Nam	-0.1%	1.7%	0.3%	-1.4%	0.3%	8.7%	87.4%	14.9%
Cổ tức cao - Thanh khoản tốt	-0.1%	-0.1%	-3.5%	-0.3%	-5.3%	12.9%	46.6%	14.5%
Nước & Năng lượng	-0.2%	-0.3%	-5.3%	-6.9%	-9.7%	2.8%	39.8%	14.3%
Bảo hiểm & Chứng khoán	-0.2%	1.4%	-2.7%	-6.2%	-14.0%	-6.4%	41.8%	21.3%
BDS & Khu công nghiệp	-0.3%	2.0%	-0.7%	-3.0%	-3.1%	6.7%	59.1%	16.4%
Dầu khí	-0.5%	-4.5%	-5.0%	-9.0%	-14.6%	-0.8%	17.7%	22.6%
Chiến tranh thương mại	-0.6%	1.0%	-3.4%	-7.1%	-12.0%	4.4%	9.7%	15.5%
Xây dựng	-0.8%	-0.3%	-6.2%	-16.5%	-17.9%	-15.9%	13.7%	18.1%

Mục tiêu	Bảng bao gồm 3 danh mục có hiệu suất ngày cao nhất và 2 danh mục có hiệu suất ngày thấp nhất.							
Danh mục 9	0.7%	2.3%	1.1%	-3.2%	0.6%	9.1%	59.2%	15.3%
Danh mục 14	0.6%	3.4%	-1.4%	-4.9%	1.0%	11.3%	47.4%	17.1%
Danh mục 7	0.5%	0.7%	-3.4%	-8.5%	-5.0%	1.9%	39.8%	15.4%
Danh mục 13	-0.3%	0.6%	0.1%	-4.3%	-1.6%	6.3%	40.0%	15.9%
Danh mục 8	-0.6%	2.7%	0.8%	-2.0%	1.3%	16.3%	59.6%	17.3%

* Note
12/18 danh mục Mục tiêu có mức hiệu suất ngày **khả quan**

Khẩu vị Rủi ro	Bảng bao gồm 3 danh mục có hiệu suất ngày cao nhất và 2 danh mục có hiệu suất ngày thấp nhất.							
Danh mục 23	0.2%	2.4%	-6.2%	-9.1%	-8.9%	13.6%	87.6%	18.8%
Danh mục 25	0.0%	1.7%	-2.5%	-7.3%	0.4%	25.3%	118.9%	17.8%
Danh mục 21	0.0%	1.6%	0.5%	-3.1%	5.0%	18.0%	59.2%	15.6%
Danh mục 20	-0.2%	2.9%	1.2%	-1.5%	5.0%	18.1%	59.8%	16.6%
Danh mục 19	-0.5%	1.9%	2.1%	-1.3%	6.4%	22.7%	61.0%	15.3%

* Note
2/7 danh mục Khẩu vị Rủi ro có mức hiệu suất ngày **khả quan**

INDEX								
VNINDEX	0.1%	2.0%	0.6%	-2.2%	-1.5%	7.2%	43.4%	15.3%
VN30INDEX	0.1%	2.3%	1.0%	-3.7%	0.5%	2.9%	39.9%	15.7%

*Để xem chi tiết danh mục xin vui lòng đăng nhập vào BSC i-Invest theo đường link:
*Hiệu suất danh mục sử dụng dữ liệu lịch sử có thể không phản ánh tương lai.

<https://invest.bsc.com.vn/#login>

BSC RESEARCH

1/15/2020

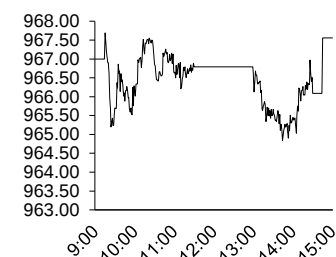
Vietnam Daily Review

Vũ Quốc Khánh

khanhvq@bsc.com.vn

Hình 1

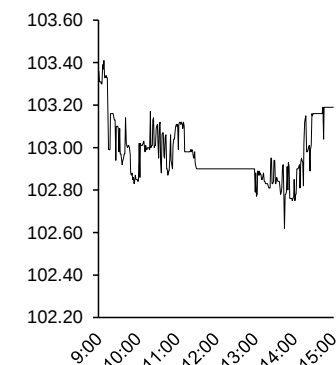
HSX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 2

HNX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 1

Vận động ngành trong ngày

Ngành	±%
Ô tô và phụ tùng	4.2%
Tài nguyên Cơ bản	0.8%
Ngân hàng	0.5%
Hàng cá nhân & Gia dụng	0.4%
Xây dựng và Vật liệu	0.2%
Dịch vụ tài chính	0.1%
Thực phẩm và đồ uống	0.0%
Truyền thông	0.0%
Công nghệ Thông tin	0.0%
Viễn thông	0.0%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	-0.1%
Bảo hiểm	-0.1%
Bán lẻ	-0.1%
Bất động sản	-0.2%
Dầu khí	-0.3%
Hóa chất	-0.4%
Du lịch và Giải trí	-0.4%
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	-0.6%
Y tế	-0.6%

Nguồn: FiinPro

Phân tích kỹ thuật

CII_Bút phá

Điểm nhấn kỹ thuật:

- Xu hướng hiện tại: Tăng giá.
- Chỉ báo xu hướng MACD: đường MACD ở trên đường tín hiệu.
- Chỉ báo RSI: Tiếp cận vùng quá mua.
- Đường MA: EMA12 ở trên EMA26.

Nhận định: CII đang trong quá trình tăng trở lại sau khi đã có sự điều chỉnh trung hạn từ cuối tháng 10 đến đầu tháng 1 về ngưỡng hỗ trợ 22. Thanh khoản cổ phiếu vẫn giữ giá trị tốt và trong phiên hôm nay sự hưng phấn đã đẩy giá cổ phiếu vượt qua mức đỉnh cũ tại giá 25.5 để chính thức xác lập mô hình hai đáy hướng lên khá vững chắc. Các chỉ báo kỹ thuật cũng đều đang ở trong trạng thái tích cực. Mặt khác, chỉ báo động lượng RSI đã đi vào vùng quá mua và có thể xảy ra sự điều chỉnh trong ngắn hạn nhưng có lẽ sẽ không ảnh hưởng nhiều đến đà tăng của cổ phiếu. Theo đánh giá của chúng tôi, CII có thể trở lại vùng giá 30-32 trong thời gian tới trước khi có động lực cũng như thông tin cơ bản đủ mạnh để đưa cổ phiếu tiếp cận vùng giá lịch sử tại khu vực xung quanh 40.



Nguồn: BSC, PTKT Iboard

Các mã cổ phiếu tăng giá theo dự báo của BSC

CTG_ Hồi phục

[Link](#)

FPT_ Xu hướng hồi phục

[Link](#)

VPB_ Hồi phục

[Link](#)

HPG_ Tăng giá

[Link](#)

NVL_ Tăng giá

[Link](#)

Cập nhật giá cả hàng hóa ngày 15/1/2020

*Mặt hàng	ĐVT	Sáng 15/1	% Ngày	% Tuần	% Tháng	% Năm	Liên quan đầu ra	Liên quan đầu vào
Dầu WTI	USD/barrel	58.43	0.31%	-6.53%	-2.42%	12.12%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Dầu Brent	USD/barrel	64.50	0.42%	-5.52%	-0.80%	6.37%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Xăng	USD/gallon	1.67	-0.16%	-6.65%	0.25%	18.11%	PLX, OIL	HVN, VJC
Vàng	USD/ounce	1546.54	-0.09%	-1.74%	4.88%	20.00%	PNJ	PNJ
Bạc	USD/ounce	17.81	-0.91%	-4.22%	4.60%	14.34%	PNJ	PNJ
Đậu tương	UScent/bushel	942.78	0.17%	-0.23%	2.53%	5.55%	HKB	DBC, QNS
Lúa mì	UScent/bushel	569.65	1.28%	3.99%	3.12%	11.48%		AFX
Sữa	USD /cwt	16.99	-0.12%	-0.64%	-12.38%	20.93%	VNM, GTN	KDC
Cao su	JPY/kg	177.20	0.68%	0.68%	1.03%	-5.74%	DPR, PHR	SRC, CSM
Đường	US cent/lb	14.32	1.13%	5.37%	7.75%	8.81%	SBT, LSS	VNM, GTN
Chè	USD/kg	2.80	0.00%	12.00%	-2.78%	-5.41%	GTN, DLG	DLG
Cà phê	UScent/lb	114.90	0.31%	-6.13%	-15.39%	13.43%	CTP, DLG	VCF, CTP
Đồng	USD/lb	2.87	0.28%	2.34%	2.26%	8.16%	MSN, ACM	CAV, SAM
Thép	CNY/ton	3925.00	3.26%	4.67%	6.17%	8.58%	HSG, HPG	PC1, CTD
Nhôm	USD/ton	1798.00	-0.44%	-1.91%	1.12%	-2.55%		CAV, SAM
Quặng sắt	USD/ton	93.50	0.00%	-0.53%	0.54%	26.35%	HSG, HPG	HSG, HPG
Than đá	USD/ton	72.88	-3.25%	4.86%	6.55%	-26.53%	HLC, NBC	HT1, BCC

Nguồn: BSC tổng hợp

Thông tin nổi bật**Giá dầu**

- Dầu thô Brent tăng 29 US cent tương đương 0.5% lên 64.49 USD/thùng. Dầu thô Tây Texas WTI tăng 15 US cent tương đương 0.3% lên 58.23 USD/thùng.
- Giá dầu tăng sau 5 phiên giảm liên tiếp do Mỹ - Trung chuẩn bị ký 1 thỏa thuận thương mại sơ bộ làm lu mờ căng thẳng Trung Đông suy giảm. Việc ký kết thỏa thuận thương mại Mỹ - Trung "giai đoạn 1" vào ngày 15/1/2020 đánh dấu 1 bước quan trọng kết thúc tranh chấp thương mại kéo dài gần 2 năm, đã cắt giảm tăng trưởng toàn cầu và khiến nhu cầu dầu suy giảm. Trung Quốc cam kết mua hơn 50 tỉ USD nguồn cung năng lượng từ Mỹ trong 2 năm tới. Trong khi nhập khẩu dầu thô của Trung Quốc trong năm 2019 tăng 9.5% lên mức cao kỷ lục năm thứ 17 liên tiếp, do nhu cầu từ các nhà máy lọc dầu mới của nước này tăng mạnh.

Giá vàng

- Vàng giao ngay giảm 0.1% xuống 1,546.48 USD/ounce. Vàng kỳ hạn tháng 2/2020 giảm 0.4% xuống 1,544.6 USD/ounce.
- Giá vàng giảm trước khi Mỹ - Trung ký kết 1 thỏa thuận thương mại tạm thời làm giảm sức hấp dẫn của vàng thời, trong khi giá paladi đạt mức cao kỷ lục do nguồn cung thiếu hụt kéo dài.

Giá sắt thép

- Giá quặng sắt kỳ hạn tháng 5/2020 trên sàn Đại Liên tăng 2.1% lên 671.5 CNY (97.6 USD)/tấn. Giá quặng sắt tại Trung Quốc tăng, rời khỏi chuỗi giảm 3 phiên liên tiếp do lo ngại về khả năng gián đoạn xuất khẩu quặng sắt từ nước cung cấp hàng đầu – Australia – nơi mùa bão bắt đầu. Trên sàn Thượng Hải, giá thép cuộn cán nóng tăng 0.5%.
- Mỗi lo ngại nguồn cung đã thúc đẩy giá quặng sắt tăng do tồn trữ nguyên liệu này tại các cảng của Trung Quốc giảm 2 tuần liên tiếp đến ngày 10/1/2020 xuống 127.9 triệu tấn, thấp nhất kể từ giữa tháng 12/2019
- Nhập khẩu quặng sắt của Trung Quốc trong năm 2019 tăng 0.5% lên 1.069 tỉ tấn, chỉ dưới mức cao kỷ lục năm 2017 do nhu cầu tại các nhà máy thép tăng mạnh và xuất khẩu từ các mỏ khai thác lớn hồi phục sau khi bị gián đoạn hồi đầu năm.

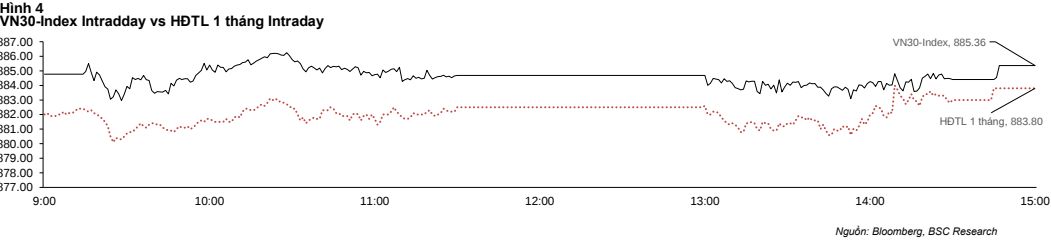
Giá nông sản

- Cà phê arabia kỳ hạn tháng 3/2020 giảm 0.1 US cent tương đương 0.1% xuống 1.1445 USD/lb. Giá cà phê robusta giao cùng kỳ hạn trên sàn London tăng 16 USD tương đương 1.2% lên 1,328 USD/tấn.
- Đường thô kỳ hạn tháng 3/2019 tăng 0.28 US cent tương đương 2% lên 14.43 US cent/lb. Đường trắng kỳ hạn tháng 3/2020 tăng 11.5 USD tương đương 3% lên 394.7 USD/tấn. Giá đường đạt mức cao nhất 2 năm, trong bối cảnh nguồn cung thắt chặt và hoạt động thúc đẩy mua vào.

Giá cao su

- Giá cao su kỳ hạn tháng 6/2020 trên sàn TOCOM tăng 6.4 JPY (0.0582 USD) lên 207.8 JPY/kg. Giá cao su tại Tokyo tăng hơn 3% bởi lạc quan về thỏa thuận thương mại Mỹ - Trung "giai đoạn 1". Trên sàn Thượng Hải, giá cao su kỳ hạn tháng 5/2020 giảm 30 CNY (4.36 USD) xuống 13,250 CNY/tấn.

Thị trường hợp đồng tương lai



Bảng 4
Hợp đồng tương lai

CK	Đóng	± Ngày	± Điểm	%	KLGD	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F2001	883.80	0.17%	-1.56	-19.6%	59791	1/16/2020	3
VN30F2002	883.20	0.05%	-2.16	73.0%	1547	2/20/2020	38
VN30F2003	885.50	0.06%	0.14	75.0%	28	3/19/2020	66
VN30F2006	889.30	0.03%	3.94	-61.3%	12	6/18/2020	157

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Nhận định:

• VN30 Index tăng 0.59 điểm lên mức 885.36 điểm. Các cổ phiếu chủ chốt như VPB, HPG, PNJ, BID và SAB tác động mạnh đến trạng thái tăng của VN30. Chỉ số VN30 dao động quanh mốc tham chiếu trong suốt thời gian giao dịch. VN30 có thể sẽ tiếp cận lại ngưỡng 890 trong những phiên tới.

• Các HĐTL đồng loạt tăng điểm trong phiên hôm nay thuận theo trạng thái tăng chung của chỉ số. Xét về khối lượng giao dịch, VN30F2002 và VN30F2003 tăng trong khi VN30F2001 và VN30F2006 lại giảm. Bên cạnh đó, chỉ duy nhất VN30F2001 giảm về vị thế mở, VN30F2003 không thay đổi, còn các hợp đồng còn lại đều tăng. Điều này báo hiệu những diễn biến khó lường của thị trường phái sinh trong thời gian tới. Nhà đầu tư nên ưu tiên những nhịp cạnh mua với giá mục tiêu quanh ngưỡng 890 điểm cho tất cả các hợp đồng.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	CTCK	Đáo hạn	Số ngày	CR	KLGD	± Ngày	KLNY (cp)	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành	Giá CQ	± Ngày	Giá Lý thuyết	Price/Value
CPNJ1902	MBS	1/22/2020	7	5:1	53,000	-25.9%	1.5 triệu	21.83%	2,220	2,240	12.00%	11,071.90	0.20
CHPG1908	MBS	1/22/2020	7	2:1	63,380	7.8%	2.0 triệu	24.82%	1,450	2,340	10.90%	4,668.70	0.50
CVPB1901	VND	3/5/2020	50	1:1	114,470	-36.1%	2.0 triệu	21.14%	3,500	4,140	6.98%	3,770.40	1.10
CHPG1907	SSI	4/22/2020	98	1:1	51,180	-51.3%	1.0 triệu	24.82%	4,200	5,600	5.07%	4,501.80	1.24
CHPG1909	KIS	5/15/2020	121	2:1	214,680	143.5%	5.0 triệu	24.82%	1,800	1,630	3.16%	1,877.10	0.87
CVNM1903	SSI	4/22/2020	98	1:1	7,810	25.4%	1.0 triệu	17.82%	26,600	13,370	1.13%	4,019.10	3.33
CFPT1905	SSI	4/22/2020	98	1:1	50,000	156.0%	1.0 triệu	20.98%	9,900	6,350	-0.78%	3,996.50	1.59
CVIC1903	KIS	5/15/2020	121	10:1	82,220	1537.8%	4.0 triệu	14.67%	1,430	1,110	-0.89%	165.40	6.71
CVIC1902	SSI	4/22/2020	98	1:1	5,800	-6.5%	1.0 triệu	14.67%	22,700	12,390	-1.20%	4,241.80	2.92
CFPT1908	MBS	6/17/2020	154	3:1	41,100	58.7%	2.4 triệu	20.98%	3,150	2,970	-1.33%	5,451.60	0.54
CTCB1902	VND	6/5/2020	142	1:1	29,520	-42.6%	2.0 triệu	21.18%	5,300	3,710	-1.33%	2,631.80	1.41
CVHM1902	SSI	4/22/2020	98	1:1	11,080	-22.2%	1.0 triệu	21.80%	18,600	10,100	-1.37%	5,138.50	1.97
CMBB1903	SSI	4/22/2020	98	1:1	67,880	109.8%	3.0 triệu	17.68%	4,000	1,960	-1.51%	660.40	2.97
CVNM1906	VND	3/5/2020	50	2:1	25,610	25.6%	1.0 triệu	17.82%	8,100	4,760	-2.06%	2,573.60	1.85
CVJC1902	SSI	4/22/2020	98	1:1	6,080	-11.9%	1.0 triệu	13.66%	27,900	25,480	-2.19%	17,778.80	1.43
CFPT1906	HSC	4/8/2020	84	5:1	202,690	30.6%	5.0 triệu	20.98%	1,700	1,150	-2.54%	2,598.50	0.44
CREE1903	SSI	4/22/2020	98	1:1	14,360	81.8%	1.0 triệu	22.36%	7,600	3,960	-3.18%	1,645.20	2.41
CVRE1902	HSC	4/8/2020	84	4:1	66,420	301.6%	5.0 triệu	22.12%	1,300	1,050	-3.67%	493.10	2.13
CVNM1904	HSC	4/8/2020	84	10:1	188,080	678.5%	5.0 triệu	17.82%	1,900	630	-4.55%	49.30	12.78
CNVL1901	KIS	2/7/2020	23	4:1	121,730	15.3%	5.0 triệu	19.18%	1,900	280	-20.00%	6.50	43.08
CREE1902	SSI	1/22/2020	7	1:1	46,810	-38.8%	1.0 triệu	22.36%	5,600	750	-20.21%	264.10	2.84
Tổng:					1,463,900		44.40 triệu	20.17%**					
Chú thích:					Bảng bao gồm các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất					CR: Tỷ lệ chuyển đổi			
					Lãi suất phi rủi ro là 4.75%					Số ngày: Số ngày đến thời điểm đáo hạn			
					**Trung bình độ lệch chuẩn					*Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes			

Nhận định:

• Trong phiên giao dịch ngày 15/1/2020, chứng quyền và chứng khoán cơ sở có sự phân hóa về trạng thái. Khối lượng giao dịch tăng mạnh so với phiên hôm trước.

• Về giá, CPNJ1902 và CHPG1908 tăng mạnh nhất lần lượt là 12% và 10.9%, ở chiều hướng ngược lại, CREE1902 và CNVL1901 giảm mạnh nhất lần lượt là 20.21% và 20%. Thanh khoản thị trường tăng 45.07%. CTCB1901 có khối lượng giao dịch nhiều nhất, chiếm 16.31% thị trường.

• Có 9/42 chứng quyền có giá thị trường thấp hơn giá lý thuyết. CVJC1902 và CHPG1907 là những chứng quyền tích cực nhất xét về trạng thái lãi. CHPG1908 và CHPG1907 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời.

Tổ Quang Vinh
vinhtq@bsc.com.vn

Bảng 2
Top tăng điểm VN30

CK	Giá	± giá (%)	Index pt
VPB	21.65	2.36	1.16
HPG	25.15	0.60	0.34
PNJ	90.00	1.24	0.27
BID	51.00	1.80	0.25
SAB	234.00	0.43	0.10

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 3
Top giảm điểm VN30

CK	Giá	± giá (%)	Index pt
VRE	33.2	-1.63	-0.35
ROS	11.3	-6.64	-0.25
HDB	27.8	-0.89	-0.24
NVL	55.0	-0.72	-0.21
STB	10.3	-0.49	-0.12

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Mã	Giá hòa vốn	Giá thực hiện	Giá CKCS
CPNJ1902	90,100	79,000	90,000
CHPG1908	23,400	20,500	25,150
CVPB1901	21,500	18,000	21,650
CHPG1907	25,200	21,000	25,150
CHPG1909	28,280	24,680	25,150
CVNM1903	145,580	118,980	117,800
CFPT1905	64,900	55,000	57,000
CVIC1903	137,300	123,000	115,000
CVIC1902	137,700	115,000	115,000
CFPT1908	63,450	54,000	57,000
CTCB1902	26,300	21,000	22,900
CVHM1902	103,600	85,000	86,300
CMBB1903	26,000	22,000	21,450
CVNM1906	130,225	114,025	117,800
CVJC1902	157,900	130,000	146,000
CFPT1906	65,500	57,000	57,000
CREE1903	43,600	36,000	35,550
CVRE1902	37,700	32,500	33,200
CVNM1904	152,000	133,000	117,800
CNVL1901	69,688	62,088	55,000
CREE1902	41,600	36,000	35,550

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Mã	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Triệu USD)	Thanh khoản (triệu USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE
MWG	Bán lẻ	114.0	0.1%	0.8	2,246	1.5	8,321	13.7	4.5	49.0%	37.7%
PNJ	Bán lẻ	90.0	1.2%	1.0	881	4.6	4,839	18.6	4.9	49.0%	28.6%
BVH	Bảo hiểm	65.9	-0.2%	1.3	2,127	0.3	1,889	34.9	2.9	29.5%	8.7%
PVI	Bảo hiểm	32.2	0.3%	0.7	324	0.2	2,801	11.5	1.1	54.3%	9.6%
VIC	Bất động sản	115.0	0.0%	1.0	16,912	1.0	1,589	72.4	4.9	14.8%	7.8%
VRE	Bất động sản	33.2	-1.6%	1.1	3,280	0.8	1,033	32.1	2.7	32.9%	8.8%
NVL	Bất động sản	55.0	-0.7%	0.8	2,318	0.5	3,187	17.3	2.5	7.0%	15.5%
REE	Bất động sản	35.6	-0.7%	1.0	479	0.8	5,614	6.3	1.1	49.0%	18.6%
DXG	Bất động sản	13.4	0.4%	1.4	305	0.3	3,215	4.2	0.8	45.4%	25.9%
SSI	Chứng khoán	18.4	0.0%	1.4	406	0.7	1,769	10.4	1.0	54.9%	9.4%
VCI	Chứng khoán	29.0	0.0%	1.0	207	0.0	5,067	5.7	1.3	36.1%	24.7%
HCM	Chứng khoán	21.2	-1.4%	1.5	281	0.5	1,287	16.4	1.5	56.5%	10.2%
FPT	Công nghệ	57.0	0.0%	0.9	1,681	2.3	4,688	12.2	2.8	49.0%	24.9%
FOX	Công nghệ	42.0	0.0%	0.4	454	0.0	4,156	10.1	2.5	0.1%	27.7%
GAS	Dầu khí	94.0	-0.9%	1.7	7,822	0.8	5,886	16.0	4.0	3.6%	26.1%
PLX	Dầu khí	55.4	-0.2%	1.5	2,868	0.4	3,467	16.0	3.0	13.4%	19.5%
PVS	Dầu khí	17.8	-1.1%	1.6	370	0.6	2,062	8.6	0.7	21.4%	8.5%
BSR	Dầu khí	7.3	-1.4%	0.8	984	0.3	1,163	6.3	0.7	41.1%	11.0%
DHG	Dược	89.0	-1.1%	0.5	506	0.1	4,535	19.6	3.7	54.4%	19.4%
DPM	Hóa chất	12.8	-0.4%	0.8	217	0.2	650	19.6	0.6	18.8%	3.7%
DCM	Hóa chất	6.0	-0.5%	0.6	137	0.0	625	9.5	0.5	2.4%	5.5%
VCB	Ngân hàng	89.3	-0.1%	1.3	14,400	5.7	5,274	16.9	4.1	23.8%	27.1%
BID	Ngân hàng	51.0	1.8%	1.6	8,918	1.5	2,109	24.2	3.1	18.0%	13.5%
CTG	Ngân hàng	23.6	0.4%	1.6	3,821	4.5	1,641	14.4	1.2	29.3%	8.5%
VPB	Ngân hàng	21.7	2.4%	1.2	2,295	1.9	3,341	6.5	1.3	23.2%	22.7%
MBB	Ngân hàng	21.5	-0.2%	1.2	2,169	3.4	3,261	6.6	1.3	20.0%	21.8%
ACB	Ngân hàng	23.3	-0.9%	1.1	1,678	1.2	3,585	6.5	1.5	30.0%	25.9%
BMP	Nhựa	45.5	0.0%	0.8	162	0.0	5,073	9.0	1.5	80.5%	16.5%
NTP	Nhựa	30.5	-1.3%	0.3	130	0.0	4,603	6.6	1.1	20.4%	17.8%
MSR	Tài nguyên	15.0	-0.7%	1.3	645	0.0	732	20.5	1.1	2.0%	5.6%
HPG	Thép	25.2	0.6%	0.9	3,019	6.4	2,526	10.0	1.5	38.3%	17.4%
HSG	Thép	8.5	4.3%	1.6	155	3.3	890	9.5	0.7	17.8%	6.8%
VNM	Tiêu dùng	117.8	0.0%	0.7	8,919	3.5	5,527	21.3	7.5	58.7%	36.5%
SAB	Tiêu dùng	234.0	0.4%	0.8	6,524	0.2	7,365	31.8	8.4	63.3%	28.4%
MSN	Tiêu dùng	56.5	-0.2%	1.2	2,872	0.9	4,512	12.5	2.0	39.2%	20.5%
SBT	Tiêu dùng	18.7	0.3%	0.6	477	0.9	440	42.5	1.5	6.3%	3.5%
ACV	Vận tải	71.1	-0.1%	0.8	6,730	0.1	2,630	27.0	5.0	3.7%	19.7%
VJC	Vận tải	146.0	0.0%	1.1	3,325	2.7	9,850	14.8	5.6	19.6%	43.3%
HVN	Vận tải	31.9	-1.1%	1.7	1,964	0.3	1,747	18.2	2.5	10.1%	13.4%
GMD	Vận tải	21.4	-0.7%	0.8	276	0.2	1,949	11.0	1.0	49.0%	9.7%
PVT	Vận tải	15.6	0.3%	0.6	190	0.1	2,571	6.0	1.0	32.0%	18.2%
VCS	Vật liệu xây dựng	66.8	5.0%	1.0	465	1.4	8,338	8.0	3.4	2.2%	45.8%
VGC	Vật liệu xây dựng	18.0	0.0%	0.7	351	0.2	1,398	12.9	1.3	13.4%	10.1%
HT1	Vật liệu xây dựng	15.0	1.0%	0.8	248	0.0	1,912	7.8	1.0	6.4%	13.8%
CTD	Xây dựng	49.5	-0.3%	0.8	164	0.1	9,842	5.0	0.5	47.4%	9.3%
VCG	Xây dựng	25.6	0.0%	1.1	492	0.0	1,557	16.4	1.7	0.5%	10.4%
CII	Xây dựng	25.9	5.3%	0.4	279	1.0	1,845	14.0	1.2	51.0%	8.8%
POW	Điện	10.9	0.0%	0.6	1,110	0.5	820	13.3	1.0	13.5%	7.8%
NT2	Điện	18.7	0.8%	0.5	233	0.1	2,721	6.9	1.3	18.6%	20.0%

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
BID	51.00	1.80	1.06	695290.00
VPB	21.65	2.36	0.36	2.02MLN
TCH	39.00	6.56	0.25	534410.00
SAB	234.00	0.43	0.19	22540.00
HPG	25.15	0.60	0.12	5.88MLN

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
GAS	94.00	-0.95	-0.50	201400.00
VRE	33.20	-1.63	-0.37	549700.00
HVN	31.85	-1.09	-0.15	247290.00
ROS	11.25	-6.64	-0.13	3.81MLN
NVL	55.00	-0.72	-0.11	212400.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
GAB	27.65	6.96	0.01	28770.00
HMC	12.30	6.96	0.01	55900.00
FIT	9.30	6.90	0.05	2.88MLN
CLG	2.80	6.87	0.00	35200.00
NAV	17.35	6.77	0.00	330.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VRC	8.26	-6.98	-0.01	13080.00
SC5	27.35	-6.97	-0.01	10.00
FDC	13.35	-6.97	-0.01	1170.00
DRH	2.94	-6.96	0.00	643110.00
VAF	9.09	-6.96	-0.01	50.00

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
SHB	7.40	2.78	0.22	5.86MLN
VCS	66.80	5.03	0.11	484500.00
TVC	21.70	4.33	0.03	229600.00
HUT	2.20	4.76	0.02	581200.00
CEO	9.00	1.12	0.02	544200.00

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
ACB	23.30	-0.85	-0.33	1.16MLN
PVS	17.80	-1.11	-0.05	745300.00
LIG	3.70	-11.90	-0.02	125000.00
L14	56.30	-2.43	-0.02	32400.00
S99	7.60	-5.00	-0.02	700.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

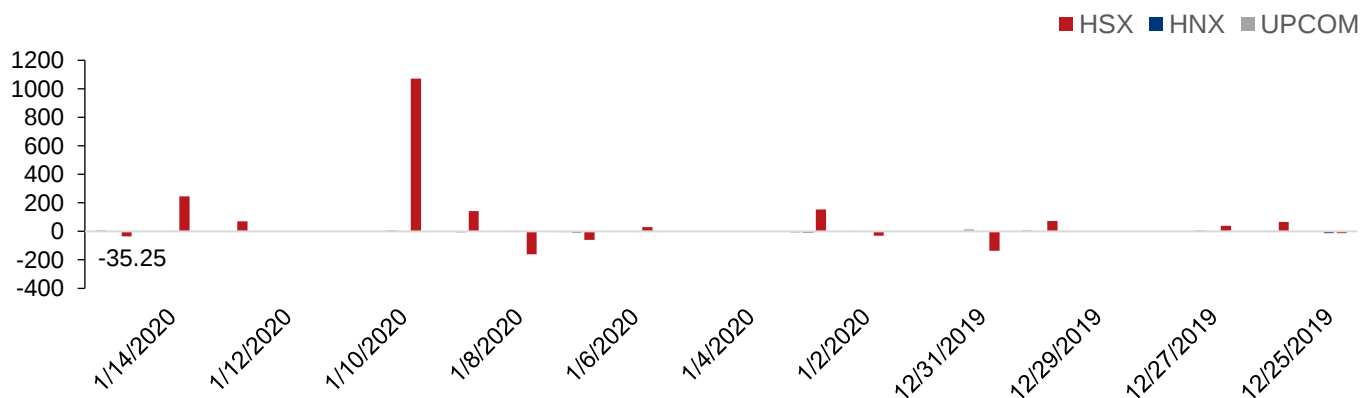
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
BTW	39.60	10.0	0.01	100.00
HJS	28.60	10.0	0.01	100.00
KVC	1.10	10.0	0.01	174800.00
NBW	42.90	10.0	0.01	100.00
CKV	14.90	9.6	0.00	300.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
ACM	0.40	-20.00	-0.01	15200.00
HKB	0.60	-14.29	-0.01	16500.00
LIG	3.70	-11.90	-0.02	125000.00
DST	0.80	-11.11	0.00	40200.00
NRC	9.90	-10.00	-0.01	65400.00

Hình 3

Giao dịch khối ngoại



Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Loại báo cáo	Mã cổ phiếu liên quan	Link tải báo cáo
1	BSC_Vietnam Marco Market Outlook_VN_2020	Phân tích vĩ mô		Click
2	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 11.2019	Phân tích vĩ mô		Click
3	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 10.2019	Phân tích vĩ mô		Click
4	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2019	Phân tích ngành		Click
5	Vĩ Mô &Thị Trường Quý III_Tạo nền vững chắc	Phân tích vĩ mô		Click
6	BSC_ Quyết định 1870 về Lãi suất tác động	Phân tích vĩ mô		Click
7	Báo cáo Tổng kết KQKD 6T.2019_BSC Research	Phân tích ngành		Click
8	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 08.2019	Phân tích vĩ mô		Click
9	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2019	Phân tích ngành		Click
10	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 07.2019_Không nhiều	Phân tích vĩ mô		Click
11	Vĩ Mô &Thị Trường Quý II_Phân hóa và biến động	Phân tích vĩ mô		Click
12	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 05.2019_Kiểm tra và hỏi	Phân tích vĩ mô		Click
13	Báo cáo Đánh giá ảnh hưởng của EVFTA	Phân tích ngành		Click
14	2019M2_Biến động giảm co chờ thông tin hỗ trợ	Phân tích vĩ mô		Click
15	2019M1_Tăng điểm từ vùng giá thấp	Phân tích vĩ mô		Click
16	BSC_Vietnam Marco Market Outlook_VN_2019	Phân tích vĩ mô		Click
17	Vĩ mô_Vietnam Sector Outlook_2019_VN	Phân tích ngành		Click
18	BSC_Vietnam Sector Review_2018_VN	Phân tích ngành		Click
19	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2018	Phân tích ngành		Click
20	VM_M11_Giao dịch giảm co, toan tính cho 2019	Phân tích vĩ mô		Click

Danh sách các cổ phiếu BSC đã khuyến nghị gần đây

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tải báo cáo
1	QNS	Tiêu dùng	Mua	2/1/2020	28.7	35.0	27.0	5,020	5.4	1.2	Click
2	PNJ	Tiêu dùng	Mua	2/1/2020	86.5	99.7	90.0	4,839	18.6	4.9	Click
3	PVT	Vận tải	Theo dõi	27/12/2019	16.8	20.2	15.6	2,571	6.0	1.0	Click
4	NTC	Bất động sản	Theo dõi	18/12/2019	170.0	n/a	161.8	29,035	5.6	4.4	Click
5	PVD	Dầu khí	Theo dõi	16/12/2019	113.2	171.4	14.6	0	13.7	0.5	Click
6	MWG	Bán lẻ	Mua	16/12/2019	22.8	27.8	114.0	8,321	13.7	4.5	Click
7	ACB	Ngân hàng	Mua	10/12/2019	13.9	15.9	23.3	3,585	6.5	1.5	Click
8	AAA	Sản xuất	Theo dõi	4/12/2019	23.4	26.0	11.9	2,692	4.4	0.7	Click
9	TCB	Ngân hàng	Theo dõi	4/12/2019	125.1	162.5	22.9	2,660	8.6	1.4	Click
10	VTP	Vận tải	Mua	25/11/2019	84.5	121.0	115.3	6,216	18.5	7.0	Click
11	VCB	Ngân hàng	Mua	25/11/2020	34.8	42.3	89.3	5,274	16.9	4.1	Click
12	HDG	Bất động sản	Mua	13/11/2019	60.5	75.3	30.6	9,530	3.2	1.6	Click
13	FPT	CNTT	Mua	13/11/2019	25.5	30.8	57.0	4,688	12.2	2.8	Click
14	DGW	Bán lẻ	Mua	31/10/2019	20.0	29.1	24.6	3,491	7.0	1.2	Click
15	PC1	Điện	Mua mạnh	14/10/2019	38.0	N/a	17.5	2,246	7.8	0.8	Click
16	TRC	Cao su	Theo dõi	10/1/2019	78.5	82.7	31.5	2,846	11.1	0.6	Click
17	MSN	Tiêu dùng	Theo dõi	30/09/2019	130.0	142.1	56.5	4,512	12.5	2.0	Click
18	VNM	Tiêu dùng	Theo dõi	27/09/2019	22.3	26.0	117.8	5,527	21.3	7.5	Click
19	TPB	Ngân hàng	Theo dõi	27/09/2020	39.5	48.0	21.8	2,887	7.5	1.5	Click
20	REE	Công nghiệp	Mua	27/09/2021	79.0	93.5	35.6	5,614	6.3	1.1	Click



TRỢ LÝ THÔNG MINH iBROKER

Nhanh chóng, chính xác, chuyên sâu

BSC ibroker là dịch vụ 24/7 cung cấp cho khách hàng để hỗ trợ tra cứu thông tin, phân tích dữ liệu thị trường, dữ liệu cổ phiếu và đưa ra các tư vấn khuyến nghị đầu tư. BSC iBroker không thay thế khách hàng trong việc ra quyết định giao dịch; khách hàng nên xem xét BSC iBroker như một nguồn thông tin tham khảo.



Trợ lý phân tích định lượng (kim): gồm các chức năng tư vấn cổ phiếu dựa trên phân tích dữ liệu giá và khối lượng giao dịch, tư vấn tín hiệu mua/bán cổ phiếu trong phiên; tra cứu biến động dòng tiền theo các nhóm ngành thị trường; tra cứu tin tức báo chí,...



Trợ lý phân tích cơ bản (mộc): có chức năng phân tích các chỉ tiêu tài chính cơ bản của từng mã cổ phiếu ở kỳ hiện tại, so sánh với chỉ tiêu tài chính trung bình ngành và trung bình toàn thị trường.



Trợ lý báo cáo phân tích (thủy): Có chức năng tra cứu danh sách và nội dung các báo cáo cập nhật doanh nghiệp, phân tích ngành và doanh nghiệp của các chuyên viên phân tích BSC.



Trợ lý phái sinh (hỏa): cung cấp các chức năng sau: lịch phái sinh; thông tin công bố; tư vấn tham khảo thông tin giao dịch và tư vấn chiến lược giao dịch các hợp VN30F1m, VN30F2M, VN30F1Q, VN30F2Q; Xây dựng chiến lược giao dịch Alpha nghiên cứu các tác động làm thay đổi xu hướng vận động của các HĐTL theo phiên.

Sử dụng iBroker tại đây
Bản công bố rủi ro

[Link](#)
[Link](#)

Hướng dẫn sử dụng
Video hướng dẫn sử dụng

[Link](#)
[Link](#)

Báo cáo cập nhật trên iBroker trong ngày

Mã gõ báo cáo	Ngày	Nội dung tóm tắt
Express TNG 2019Q4	5/12/2019	Giá tại Publish 15000 Năm 2020, doanh thu dự kiến là 4,950 tỷ, trong đó (1) xuất khẩu là 4,850 tỷ (2) thời trang nội địa là 100 tỷ. Khách hàng: Decathlon chiếm 40% tổng DT, là người cung cấp nguyên liệu (Anh Đức: Decathlon giao đến cảng Hải Phòng rồi TNG ra nhận, Anh Hoàng – chủ kho Sông Công 2: Decathlon giao đến tận kho). Vấn đề tồn kho: Tồn kho tăng cao là đặc thù của ngành chung. Các doanh nghiệp may phục vụ theo đơn hàng => tồn kho chắc chắn sẽ xuất được xưởng (Cmt: trong TH khách hàng vẫn hoạt động bình thường. Vẫn còn rủi ro đặt hàng xong ko lấy, lấy hàng xong ko trả tiền - > nợ xấu)
Express MSH 2019Q	3/12/2019	Khuyến nghị MUA; Giá mục tiêu 60500 BSC dự báo doanh thu thuần của MSH năm 2019 đạt 4,472 tỷ đồng (+13.2% YoY) với giá định doanh thu hàng may mặc xuất khẩu đạt 174.7 triệu USD (+13.6% YoY) với động lực đến từ các khách hàng Haddad (+38%), G-III (+32%), Columbia (+10%) trong khi mảng chăn ga gối tương đương cùng kỳ. Biên LNG tương đương 2018 ở mức 20.1%, biên EBIT cải thiện từ 11.1% lên 11.7% nhờ tiết giảm CPBH và QLDN. LNST ước đạt 420 tỷ (+13.5% YoY), EPS = 8,170 đồng/CP (giá định trích quỹ KTPL 5% LNST). Kế hoạch 2019-2023: (i) Hoàn thành thủ tục và di dời các xưởng may trong nội thành (1-6) ra cụm CN xã Mỹ Tân, Mỹ Lộc, Nam Định (21ha), vốn đầu tư 500 -550 tỷ, phát triển thành khu sản xuất tập trung của MSH, sau đó thực hiện chuyển đổi mục đích sử dụng đất tại các NM di dời (khoảng 8ha). Việc di dời sẽ thực hiện theo hình thức cuốn chiếu nên sẽ không ảnh hưởng đến sản xuất. (ii) Đạt doanh thu 5,000 tỷ năm 2021 (CAGR =7.8%), cổ tức 35-45%/năm.
Express VIB 2019Q4	5/12/2019	Khuyến nghị NẮM GIỮ; Giá mục tiêu 19500; Giá tại Publish 16700 Chúng tôi khuyến nghị THEO DÕI cổ phiếu VIB với giá mục tiêu 19,500 VND/cp, upside 17% với phương pháp P/B = 1.3x cho năm 2020 (tỷ suất chiết khấu 15%). BSC dự báo, VIB sẽ ghi nhận TOI và PBT trong năm 2020 lần lượt đạt mức 9,984 tỷ VND (+22.5% yoy) và 4,417 tỷ VND (+20% yoy), BVPS 2020 = 21,000 VND/cp
Express BID 2019Q4	5/12/2019	Khuyến nghị THEO DÕI; Giá tại Publish 40100 Trong năm 2019, BSC dự báo BID sẽ ghi nhận TOI = 50,265 tỷ VND (+13% yoy), PBT = 10,800 tỷ VND (+14% yoy). Trong năm 2020, BID sẽ ghi nhận TOI = 58,816 tỷ VND (+17% yoy), PBT = 13,134 tỷ VND (+21.6% yoy). BVPS 2020 = 14,862 VND/cp. Tăng vốn từ KEB Hana Bank giúp BID giải quyết vấn đề về CAR tạo room tăng trưởng thời gian tới. BID đã được SBV chấp nhận tuân thủ tiêu chuẩn Basel II vào tháng 12/2019, ước tính sau khi nhận được vốn từ Hana, CAR của BID sẽ được cải thiện lên mức 10.4%
Express VPB 2019Q4	5/12/2019	Khuyến nghị MUA; Giá mục tiêu 26514; Giá tại Publish 19300 Chúng tôi dự báo, trong năm 2019, VPB sẽ ghi nhận TOI = 35,852 tỷ VND (+15.3% yoy) và PBT = 10,375 tỷ VND (+12.8% yoy). Trong năm 2020, TOI và PBT của VPB lần lượt ở mức 40,093 tỷ VND (+11.8% yoy) và 12,955 tỷ VND (+24.8% yoy).

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 10 & 11 Tháp BIDV
35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84 4 3935 2722
Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: +84 8 3821 8885
Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>

Bloomberg: RESP BSCV <GO>



Đối với KHTC mời liên lạc:

Vũ Thanh Phong
Trần Thành Hưng
Nguyễn Hoàng Dương
Nguyễn Hoàng Nguyên

Chức vụ

Trưởng phòng TVĐT và môi giới KHTC
Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC
Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC
Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC

Địa chỉ email

phongvt@bsc.com.vn
hungtt@bsc.com.vn
duongnh@bsc.com.vn
nguyennh@bsc.com.vn